

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2021/DS-PT**
Ngày 03 - 11 - 2021
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.
Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số **99/2021/TLPT-DS** ngày 28 tháng 06 năm 2021, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 18 tháng 05 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim V, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 202, đường P, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 05, đường P1, Khóm H, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/8/2020 – BL 18); (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H (tên gọi khác TH), sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Số 204, đường P, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; (tất cả có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

1. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Khánh T trình bày:* Quan hệ giữa nguyên đơn Phạm Thị Kim V với bị đơn Phạm Văn H là chị em ruột, còn bị đơn Nguyễn Thị Đ là vợ bị đơn H (nhưng đã ly hôn năm 2008). Nguyên năm 2006, bị đơn Phạm Văn H và Nguyễn Thị Đ vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân Trung Ương chi nhánh Sóc Trăng (sau đây viết tắt Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng) số tiền 100.000.000đồng. Khi vay vốn vợ chồng bị đơn thế chấp tài sản là căn nhà và đất số 204, đường P, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn nhà này là nhà thờ hương quả, thờ cúng ông bà tổ tiên. Quá trình vay vốn vợ chồng bị đơn không thanh toán nên Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nguyên đơn sợ bị phát mãi tài sản là căn nhà thờ tổ tiên nên nguyên đơn đứng ra trả số tiền 100.000.000đồng gốc và 24.590.800đồng tiền lãi cho Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng thay vợ chồng bị đơn vào ngày 21/5/2009.

Từ khi nguyên đơn Phạm Thị Kim V thanh toán thay cho bị đơn Phạm Văn H, Nguyễn Thị Đ thì bị đơn không thanh toán trả tiền lại cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận bị đơn Phạm Văn H có trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000đồng và thống nhất với bị đơn H, do bị đơn H với bị đơn Đ đã ly hôn nên số nợ 124.590.800đồng; bị đơn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 65.000.000đồng nhưng bị đơn H đã thanh toán cho nguyên đơn 35.000.000đồng, bị đơn H còn nợ chưa trả số tiền 30.000.000đồng; bị đơn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 59.590.800đồng.

Nguyên đơn Phạm Thị Kim V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bị đơn Phạm Văn H có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn Phạm Thị Kim V số tiền 93.330.000đồng. Trong đó tiền gốc là 30.000.000đồng và tiền lãi 63.330.000đồng (tạm tính từ ngày 21/5/2009 đến ngày 13/5/2021 với lãi suất 1,5%/tháng).

2. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn Phạm Thị Kim V số tiền 187.719.364đồng. Trong đó tiền gốc là 59.590.800đồng và tiền lãi 128.128.564đồng (tạm tính từ ngày 21/5/2009 đến ngày 13/5/2021 với lãi suất 1,5%/tháng).

2. *Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:* Bị đơn Phạm Văn H thừa nhận trước đây nguyên đơn Phạm Thị Kim V có đứng ra trả nợ Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng cho vợ chồng bị đơn Phạm Văn H và Nguyễn Thị Đ, với số tiền gốc, lãi như nguyên đơn trình bày. Nhưng hiện tại bị đơn Phạm Văn H và bị đơn Nguyễn Thị Đ đã ly hôn nên bị đơn H yêu cầu bị đơn Đ có trách nhiệm trả 50% số nợ trên lại cho nguyên đơn, bị đơn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 65.000.000 đồng và bị đơn Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 59.590.800 đồng. Bị đơn H đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng, nên hiện

tại bị đơn H còn nợ nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng. Bị đơn Phạm Văn H yêu cầu thanh toán cho nguyên đơn hai lần, vào ngày 10/6/2021 và ngày 10/9/2021 đủ số tiền 30.000.000 đồng, riêng đối với phần tiền lãi bị đơn không chấp nhận trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 18 tháng 05 năm 2021, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; các Điều 166, 357, 468, 574, 576 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, tiểu mục 1.3 mục 1 phần II mục A Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim V đối với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Đ .

- Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Kim V số tiền 65.924.999 đồng, trong đó tiền gốc là 30.00.000 đồng và 35.9924.999 đồng tiền lãi.

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Kim V số tiền 130.950.783 đồng, trong đó tiền gốc là 59.590.800 đồng và 71.359.983 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của bà Phạm Thị Kim V yêu cầu đối với ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Đ trả lãi 1.5%/tháng đối với số tiền 124.590.800 đồng từ ngày 21/5/2009 đến ngày 30/7/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 02/6/2021, bị đơn Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo một phần đối với bản án sơ thẩm, với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên như vậy là không khách quan, không đánh giá hết chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, năm 2006 bà Đ và ông H vay của Quỹ tín dụng Trung ương chi nhánh Sóc Trăng số tiền 100.000.000đồng nhưng số tiền này ông H nhận và sử dụng, năm 2008 bà Đ và ông H tự nguyện thỏa thuận chấm dứt chung sống như vợ chồng, năm 2009 ông H nói trả số tiền vay xong và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H cất giữ, nhà đất thì giao cho bà Đ

và các con sử dụng. Từ năm 2009 đến nay bà Đ không có vay mượn gì của bà Voi, không biết và không nghe bà Voi nói ra tiền trả số tiền trên, bà Voi cũng không đòi nợ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà Voi đối với yêu cầu đòi số nợ của bà Đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Phạm Thị Kim V vắng mặt và không có ý kiến khác thì xem như nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Nguyễn Thị Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và cho rằng nội dung kháng cáo là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và có liên quan đến việc kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt nguyên đơn cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Phạm Thị Kim V và bị đơn Phạm Văn H thừa nhận và thống nhất, vào ngày 21/5/2009 nguyên đơn có trả nợ thay cho vợ chồng bị đơn vay tại Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng số tiền 124.590.800 đồng (nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 24.590.800 đồng), bị đơn H có trả cho nguyên đơn Voi được số tiền 35.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả.

[2] Bị đơn Phạm Văn H và Nguyễn Thị Đ thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng, năm 2007 bị đơn H và bị đơn Đ có cùng ký Hợp đồng tín dụng số 349.03.07/HĐTD ngày 14/09/2007 và Hợp đồng thế chấp số 349/07 ngày 12/09/2007 (BL 62,65), vay tại Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng

số tiền gốc 100.000.000 đồng, với thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 14/09/2007 đến ngày 14/09/2008). Năm 2008, bị đơn H với bị đơn Đ thỏa thuận đồng ý chấm dứt chung sống như vợ chồng (BL 60), không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung và tại thời điểm này số nợ vay cũng chưa trả.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H với bị đơn Đ thừa nhận số tiền nợ vay tại Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng theo Hợp đồng tín dụng số 349.03.07/HĐTD ngày 14/09/2007 là nợ chung của các bị đơn trong thời kỳ còn tồn tại chung sống nhau như vợ chồng, nên số tiền nguyên đơn trả nợ thay cho các bị đơn 124.590.800 đồng (nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 24.590.800 đồng), các bị đơn đồng ý có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn. Đồng thời, các bị đơn đồng ý xác nhận là sau khi nguyên đơn trả nợ thay cho các bị đơn, cũng không yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền đã bỏ ra trả thay, mà bỏ mặc cho đến trước khi khởi kiện ra Tòa án khoảng 06 tháng thì nguyên đơn mới yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền đã bỏ ra trả thay, do các bị đơn không khả năng trả nên nguyên đơn khởi kiện.

[4] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn H tự nguyện có trách nhiệm trả lại nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn Đ có trách nhiệm trả lại nguyên đơn số tiền 59.590.800 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Đ đồng ý theo yêu cầu của bị đơn H; bị đơn H và bị đơn Đ đều yêu cầu không trả lãi và xem xét lại việc tính lãi của cấp sơ thẩm.

[5] Đối với số tiền 124.590.800 đồng (nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 24.590.800 đồng) mà nguyên đơn ra trả nợ thay cho các bị đơn vào ngày 21/5/2009 tại Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng, là số tiền nợ vay đến hạn hợp đồng mà các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Mặc dù số tiền trên nguyên đơn không có nghĩa vụ trả nợ, lại tự nguyện thực hiện trả nợ thay cho các bị đơn, không có sự đồng ý hoặc ủy quyền của các bị đơn, nhưng việc nguyên đơn thực hiện việc trả nợ thay cho các bị đơn là nhằm không để Quỹ TDTW chi nhánh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp là nguyên đơn thực hiện công việc hoàn toàn vì lợi ích của các bị đơn, sau khi thực hiện nguyên đơn cũng báo cho bị đơn biết và bị đơn không phản đối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho các bị đơn vào ngày 21/5/2009 là nguyên đơn thực hiện công việc không có ủy quyền là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 594 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 574 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[6] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 596 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng khoản 1 Điều 576 Bộ luật Dân sự năm 2015) “*Người có công việc được thực hiện phải tiếp nhận công việc... và thanh toán các chi phí hợp lý mà người thực hiện công việc không có ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc,...*”, tức là sau khi nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho các bị đơn thì các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền mà nguyên đơn đã trả thay, đồng thời tại thời điểm lúc bấy giờ đã phát sinh nghĩa vụ trả tiền của các bị đơn đối với nguyên đơn theo quy định tại Điều 280, khoản 3 Điều 281 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 274, khoản 3 Điều 275 Bộ luật Dân sự

năm 2015); các bị đơn không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền mà nguyên đơn đã trả thay cho các bị đơn; cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả lại tiền cho nguyên đơn theo yêu cầu là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 166, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả là tiền nguyên đơn tự nguyện trả nợ thay cho các bị đơn, không phải giao dịch vay tài sản nên các bị đơn chỉ có nghĩa vụ thanh toán các chi phí hợp lý mà nguyên đơn đã bỏ ra (số tiền trả thay) và không phát sinh lãi. Tuy nhiên, khi nguyên đơn có yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền mà các bị đơn không thực hiện hoặc chậm thực hiện hay khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm mà nguyên đơn khởi kiện thì phát sinh lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên các bị đơn có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét thấy, sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay mà các bị đơn không tự nguyện thanh toán thì nguyên đơn phải yêu cầu các bị đơn thanh toán, nhưng nguyên đơn không yêu cầu; cũng như khi quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm thì nguyên đơn cũng không khởi kiện; mãi cho đến trước ngày khởi kiện 06 tháng thì nguyên đơn mới yêu cầu các bị đơn thanh toán, do các bị đơn không thanh toán nên ngày 28/07/2020 nguyên đơn khởi kiện. Do vậy, kể từ thời điểm nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán, mà các bị đơn không thanh toán thì phát sinh lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên về thời gian tính lãi các bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày nguyên đơn yêu cầu (trước ngày khởi kiện 06 tháng, là ngày 28/01/2020) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/05/2021) là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Số tiền nguyên đơn trả thay cho các bị đơn 124.590.800đồng, trong đó bị đơn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 65.000.000đồng, đã trả số tiền 35.000.000đồng và còn phải trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đồng; bị đơn Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 59.590.800đồng. Về thời gian tính lãi, kể từ ngày nguyên đơn yêu cầu (ngày 28/01/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/05/2021) tính tròn là 15,5 tháng. Bị đơn H phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn số tiền 3.873.450đồng (số tiền 30.000.000đ x 10%/12 tháng x 15,5 tháng). Bị đơn Đ phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn số tiền 7.694.000đồng (số tiền 59.590.800đ x 10%/12 tháng x 15,5 tháng).

[10] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, kháng cáo của người kháng cáo Nguyễn Thị Đ là có cơ sở một phần, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận phần có cơ sở.

[11] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người kháng cáo, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa bản

án sơ thẩm về thời gian tính lãi là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[12] Do kháng cáo được chấp nhận, bản án sơ thẩm bị sửa, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

[13] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo Nguyễn Thị Đ.

2/. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 18 tháng 05 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

“Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 166, 357, 468, 574, 576 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, tiểu mục 1.3 mục 1 phần II mục A Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim V đối với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Đ.

*- Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Kim V số tiền **33.873.450 đồng**, trong đó tiền gốc là 30.00.000 đồng và **3.873.450 đồng** tiền lãi.*

*- Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Kim V số tiền **67.284.800 đồng**, trong đó tiền gốc là 59.590.800 đồng và **7.694.000 đồng** tiền lãi.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của bà Phạm Thị Kim V yêu cầu đối với ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Đ trả lãi 1.5%/tháng đối với số tiền 124.590.800 đồng từ ngày 21/5/2009 đến ngày 30/7/2020.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **3.364.240 đồng**.*

Bà Phạm Thị Kim V được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận.”

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Nguyễn Thị Đ không phải chịu. Hoàn trả cho Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0008286 ngày 03/06/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi

